

Số: 3617/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty TNHH
Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-

CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 7714/STC-TCĐN ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Tờ trình số 400/TTr-XSKT&DVTH ngày 13 tháng 09 năm 2022 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế

hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Trưởng ban Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh -Phó ChánhVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác quản lý tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai làm chủ sở hữu nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (sau đây gọi là Công ty).
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là chủ sở hữu hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước).
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, giám sát, sử dụng vốn, tài sản tại Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Người đại diện theo pháp luật của Công ty” là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. “Người quản lý Công ty” bao gồm: Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
3. Vốn của Công ty bao gồm vốn chủ sở hữu của công ty và vốn do công ty huy động.
4. “Doanh thu có thuế từ hoạt động kinh doanh xổ số” là doanh thu bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu có thuế dùng để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả.
5. “Hoa hồng đại lý” là số tiền mà công ty trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé số đã bán.

6. “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” là dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

7. “Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư” là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán công ty đang nắm giữ và dự phòng tổn thất có thể xảy ra do suy giảm giá trị khoản đầu tư khác của công ty vào các tổ chức kinh tế nhận vốn góp.

8. “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 4. Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn và tài sản do chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn huy động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xố số và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi.

2. Nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

3. Công ty có các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế này.

Điều 5. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

1. Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo tài chính Công ty đã lập.

2. Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế này.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được chủ sở hữu cam kết đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xố số, các ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép kinh doanh và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty căn cứ lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, Công ty được phép xác định lại mức vốn điều lệ. Phương pháp, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng, giảm vốn điều lệ Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các Nghị định sửa đổi, bổ sung có liên quan.

Điều 7. Huy động vốn

1. Công ty được quyền huy động vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp; của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty.

b) Phương án huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ.

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

d) Việc huy động vốn phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Cấp quyết định việc huy động vốn:

- Chủ sở hữu Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với dự án có mức huy động từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

- Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong mức thuộc thẩm quyền.

b) Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty phải bảo đảm hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn. Trong đó, vốn chủ sở hữu ghi trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính không gồm nguồn kinh phí và quỹ khác; nợ phải trả ghi trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính không bao gồm Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

c) Công ty chỉ được phép huy động vốn để đầu tư cho hoạt động kinh doanh xổ số và ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 8. Đầu tư ra ngoài Công ty

1. Công ty chỉ đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số, các ngành nghề kinh doanh có liên quan hoạt động xổ số đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

2. Các trường hợp Công ty không được đầu tư ra bên ngoài bao gồm:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty; hoặc góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản; góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty

a) Chủ tịch công ty quyết định dự án đầu tư có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch công ty phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định tại điều lệ hoặc quy chế tài chính này.

b) Chủ tịch Công ty báo cáo Chủ sở hữu xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Điều 9. Quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ về quản lý vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. Việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác gồm: nguyên tắc, thẩm quyền, phương thức chuyển nhượng thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Điều 10. Bảo toàn vốn

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước do chủ sở hữu đã đầu tư. Công ty phải báo cáo chủ sở hữu và Sở Tài chính việc biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư để các cơ quan này theo dõi, giám sát.

2. Công ty thực hiện các biện pháp sau nhằm bảo toàn vốn nhà nước đã đầu tư:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; dự phòng tổn thất các khoản đầu tư; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng rủi ro trả thưởng cho hoạt động kinh doanh xổ số theo các quy định của Bộ Tài chính đối với từng khoản dự phòng.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hàng năm, Công ty đánh giá mức độ bảo toàn vốn theo phương pháp như sau:

a) Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không phát sinh lỗ hoặc có lãi, doanh nghiệp bảo toàn vốn.

b) Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế), Công ty không bảo toàn được vốn.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 11. Tài sản của Công ty

Tài sản của Công ty bao gồm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn được phân loại, quản lý, theo dõi theo các quy định của chế độ kế toán Việt Nam.

Điều 12. Đầu tư, xây dựng, mua sắm, quản lý sử dụng tài sản cố định, bất động sản đầu tư

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Tiêu chuẩn nhận biết và cách xác định nguyên giá tài sản cố định thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Bất động sản đầu tư được ghi nhận là tài sản phải thỏa mãn các điều kiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, bất động sản đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản vào doanh nghiệp.

4. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, bất động sản đầu tư có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất.

b) Chủ tịch công ty quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định,

bất động sản đầu tư có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong mức thuộc thẩm quyền.

5. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, bất động sản đầu tư chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu về kỹ thuật, không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả. Đồng thời phải thực hiện đúng các quy định pháp luật về xây dựng, đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Tất cả tài sản cố định, bất động sản đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty phải được quản lý, sử dụng và thực hiện trích khấu hao theo chế độ hiện hành.

Điều 13. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản.

b) Chủ tịch công ty quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong mức thuộc thẩm quyền.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

b) Chủ tịch công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định nhưng giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công. Chủ tịch công ty có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện trong mức thuộc thẩm quyền.

3. Đối với phương án nhượng bán tài sản cố định của Công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc (nếu được ủy quyền) quyết định việc nhượng bán tài sản cố định có trách nhiệm báo cáo và giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn, báo cáo Chủ sở hữu và Sở Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

4. Trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn đến Công ty không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại trên sổ sách có giá trị dưới 100 triệu đồng thì Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc (trường hợp được ủy quyền) quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hay thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Nếu tài sản không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

6. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn.

Điều 15. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là vé xổ số chưa đến đợt phát hành, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý.

2. Công ty được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý đối với hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lỗi mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

3. Tổng giám đốc quyết định xử lý đối với hàng tồn kho quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Quản lý nợ phải thu

1. Công ty thực hiện quản lý nợ phải thu theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý nợ do công ty ban hành.

2. Các khoản công nợ phải thu phải được theo dõi cho từng đối tượng nợ, từng khoản nợ phát sinh; có sự phân công trách nhiệm cho các cá nhân, tập thể theo dõi nợ; thực hiện đối chiếu công nợ theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý của công ty hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và thường xuyên chỉ đạo thực hiện phân loại nợ phải thu, xử lý kịp thời các khoản phải thu, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định về quản lý nợ của công ty.

4. Công ty được quyền bán nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Công ty chỉ được bán nợ cho tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán trực tiếp cho đối tượng nợ. Giá bán do các bên thỏa thuận và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản, Chủ tịch công ty, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Điều 17. Quản lý nợ phải trả

1. Công ty thực hiện quản lý nợ phải trả theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý nợ do công ty ban hành.

2. Các khoản công nợ phải trả phải được theo dõi cho từng chủ nợ, từng khoản nợ phát sinh.

3. Tổng giám đốc thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ nhằm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn theo quy định quản lý nợ của công ty.

4. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm Chủ tịch công ty, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Điều 18. Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại Công ty

1. Công ty tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhằm xác định số lượng các loại tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty; số lượng cổ phiếu Công ty nhận được mà không phải thanh toán tiền; đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu trong các trường hợp sau:

a) Thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

b) Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu.

c) Sau khi xảy ra thiên tai, dịch họa hoặc vì các nguyên nhân khác gây ra biến động tài sản của Công ty.

d) Theo chủ trương của Nhà nước.

2. Xử lý kết quả kiểm kê:

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân (hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan) phần còn lại (nếu có) Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Trường hợp kiểm kê tài sản thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, Công ty xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.

c) Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản. Trường hợp để các khoản tổn thất tài sản thì Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất tài sản của Công ty.

Điều 19. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp: theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp; dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương V

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 20. Doanh thu

1. Doanh thu của Công ty bao gồm:

a) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là số tiền vé xổ số từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh được xác định tiêu thụ trong kỳ.

b) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác: Là số tiền phát sinh từ việc bán sản phẩm, hàng hóa; cung cấp dịch vụ của Công ty như doanh thu bán phế liệu giấy từ vé xổ số không tiêu thụ hết, doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo trên tờ vé xổ số, doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư, doanh thu khác.

c) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm các khoản: Lãi tiền gửi thanh toán, lãi tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu từ chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; Lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.

d) Thu nhập khác gồm các khoản từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, và các khoản thu nhập khác theo luật định.

2. Công ty tổ chức quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu, bảo đảm ghi nhận đầy đủ các khoản doanh thu, thu nhập khác theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Điều 21. Chi phí

1. Các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty bảo đảm tính minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty bao gồm các loại chi phí đặc thù hoạt động xổ số, chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác. Việc xác định chi phí của Công ty được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và pháp luật về thuế.

3. Chi phí đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh xổ số bao gồm:

- a) Chi phí trả thưởng.
- b) Chi phí hoa hồng và chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số.
- c) Chi phí quay số mở thưởng do công ty thuê ngoài hoặc công ty tự tổ chức.
- d) Chi thù lao công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số và bộ máy giúp việc của Hội đồng giám sát xổ số.
- đ) Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả.
- e) Chi phí trích lập Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng.
- g) Chi phí về vé xổ số.
- h) Chi phí thông tin vé xổ số, thẻ lệ mở thưởng, kết quả mở thưởng
- i) Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.
- k) Chi phí rút cùi vé trúng thưởng, chi phí cho việc thu hồi vé không tiêu thụ hết cho các công ty xổ số kiến thiết khác.

Tỉ lệ chi, định mức chi, giới hạn chi được từ mục a đến mục k được quy định tại các văn bản quy định pháp luật về một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và thỏa thuận tại hợp đồng đại lý giữa công ty và các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện làm đại lý theo quy định về kinh doanh xổ số hoặc quy chế chi tiêu nội bộ

của công ty,... Đồng thời, các hồ sơ, chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định về chi phí được trừ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm:

- a) Chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, dụng cụ sản xuất.
- b) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- c) Chi phí tiền lương, tiền công, thù lao, các khoản phụ cấp.
- d) Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.
- đ) Các khoản trích lập dự phòng theo chế độ kế toán.
- e) Chi phí bằng tiền gồm:
 - Trợ cấp thôi việc, mất việc làm.
 - Chi đào tạo, nâng cao tay nghề, chuyên môn.
 - Chi thưởng cho sáng kiến, cải tiến theo quy chế về tiền lương, tiền thưởng của công ty.
 - Chi tổ chức khám sức khỏe.
 - Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con lần thứ nhất hoặc lần thứ hai.
 - Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty; chi để thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, phòng chống cháy nổ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác.
 - Chi đóng góp vào các Quỹ của Hiệp hội, chi cho công tác bảo vệ môi trường, công tác phòng cháy chữa cháy, chi bảo vệ cơ sở kinh doanh.
 - Chi công tác phí cho cán bộ, nhân viên đi công tác; chi bồi dưỡng làm thêm giờ; chi tiền ăn giữa ca; chi mua bảo hiểm nhân thọ; chi tiền sử dụng điện thoại theo định mức và các khoản chi khác. Mức khoán chi được Công ty quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng tại Công ty.
 - Chi các khoản thuế; phí, lệ phí theo pháp luật quy định về phí, lệ phí; tiền thuê đất; thuế môn bài; thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế nhà đất; các khoản phí, lệ phí theo quy định pháp luật.
 - Chi tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, nghiên cứu khoa học, chi tài trợ làm nhà cho người nghèo, chi ủng hộ, tài trợ khác theo đúng đối tượng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác gồm: Các khoản chi về điện, nước, điện thoại, internet, chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi sửa chữa thường xuyên, kiểm toán, dịch vụ pháp lý, mua bảo hiểm tài sản, tai nạn, tiền thuê quảng cáo, trang phục và các dịch vụ mua ngoài khác.
 - Chi trực tiếp cho người lao động đối với các khoản chi có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động như: chi tham quan nghỉ mát; khen thưởng cho con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; bồi dưỡng ngày lễ, tết; chi

hỗ trợ điều trị bệnh; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ) và các khoản chi có tính chất phúc lợi khác theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp.

g) Chi phí lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền quảng cáo, môi giới, tiếp thị, chi phí khuyến mại được phép chi, chi phí giao dịch, chi phí hội nghị, chi hỗ trợ chi phí; chi cho, biếu tặng hàng hóa, dịch vụ cho đối tác kinh doanh, khách hàng và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thực tế phát sinh.

h) Chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

i) Chi phí khác là chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường trong Công ty như: chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán; chi phí để thu tiền phạt; chi phí về tiền phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm hành chính;....

5. Công ty không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản chi sau:

- Chi mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.
- Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty hoặc được tài trợ bằng các nguồn kinh phí khác.

6. Tổng giám đốc tổ chức triển khai, thực hiện chỉ tiêu đúng quy định pháp luật và các quy chế, định mức do Chủ tịch công ty ban hành có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Chương VI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 22. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi bù đắp khoản lỗ theo quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích Quỹ Đầu tư phát triển: mức trích tối đa 30% lợi nhuận còn lại. Trường hợp Công ty đã được chủ sở hữu đầu tư đủ vốn điều lệ thì không trích lập cho quỹ này.

b) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động.

c) Trích Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên.

Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ Đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các Quỹ Khen thưởng, quỹ phúc lợi người lao động, Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ Đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ Đầu tư phát triển trong năm tài chính;

d) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các Quỹ quy định tại các điểm a, b, c khoản này phải nộp về Ngân sách nhà nước.

3. Điều kiện, mức trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên thực hiện theo quy định Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, cụ thể:

a) Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động:

Công ty xếp loại A: trích 03 (ba) tháng lương thực hiện cho hai Quỹ Khen thưởng, phúc lợi; xếp loại B trích 1,5 (một phẩy năm) tháng lương thực hiện; xếp loại C trích 01 (một) tháng lương thực hiện; không thực hiện xếp loại thì không được trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi.

Tiền lương tháng thực hiện của người lao động xác định theo quy định của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

b) Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên:

Công ty xếp loại A: trích 1,5 (một phẩy năm) tháng lương thực hiện; xếp loại B trích 1 (một) tháng lương thực hiện; xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì không được trích Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên.

Tiền lương tháng thực hiện của người quản lý công ty, kiểm soát viên xác định theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 23. Quản lý và sử dụng các Quỹ trích lập

1. Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển của công ty và bổ sung vốn điều lệ công ty.

2. Quỹ khen thưởng được dùng cho các mục đích:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong công ty (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng). Không dùng Quỹ khen thưởng để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng cho các mục đích:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty, trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả trường hợp đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, lâm vào hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa hoặc chi cho công tác từ thiện xã hội.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm người quản lý, Kiểm soát viên công ty.

4. Quỹ thưởng người quản lý công ty, Kiểm soát viên được dùng để thưởng hằng năm, thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho người quản lý công ty (bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và Kiểm soát viên công ty.

a) Chủ tịch công ty đề nghị mức thưởng hằng năm và mức thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ của người quản lý Công ty gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý, hiệu quả hoạt động kinh doanh Công ty để chủ sở hữu quyết định.

b) Tiền thưởng nhiệm kỳ của người quản lý công ty được tính theo nhiệm kỳ của Chủ tịch công ty.

c) Tiền thưởng nhiệm kỳ của kiểm soát viên được tính theo nhiệm kỳ của kiểm soát viên.

5. Công ty xây dựng Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên bảo đảm tính dân chủ, minh bạch, có sự tham gia ý kiến của Ban chấp hành công đoàn cơ sở công ty và công khai trước khi thực hiện. Đối với Quỹ thưởng người quản lý công ty, kiểm soát viên phải có ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu trước khi thực hiện.

Chương VII

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 24. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

4. Kế hoạch tài chính phải được chủ sở hữu phê duyệt bằng văn bản làm cơ

sở cho chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 25. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

1. Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Báo cáo tài chính giữa niên độ và kết thúc năm tài chính của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận cung cấp dịch vụ kiểm toán

Điều 26. Báo cáo tài chính và báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty lập và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

2. Các báo cáo lập và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện giám sát, quản lý đối với doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực kinh doanh xổ số và doanh nghiệp có 100% vốn do nhà nước đầu tư.

Thời hạn và nơi gửi các báo cáo tại khoản 1 và khoản 2 Điều này: thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ lập và gửi các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 27. Công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử các thông tin sau:

- a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
- c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm.
- d) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng và năm của Công ty.

đ) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm và kết thúc năm tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

e) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng người quản lý công ty.

g) Các nội dung công khai khác theo quy định của pháp luật.

Thời hạn công bố: theo quy định của pháp luật hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Công ty thực hiện công bố bất thường trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty, Cổng thông tin

doanh nghiệp và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty.

d) Thay đổi thành viên Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp.

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính.

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm thực hiện.

1. Chủ sở hữu, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của quy chế này.

2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty không được nêu trong Quy chế này sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan hoặc Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.